CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

Ngân hàng TMCP Á Châu

Ngày 31/12/2025	24,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-3.6%	**-9.3%**	**7.9%**

DT thuần
Q4/25
-8,987
tỷ VNĐ
QoQ: ▼707| -8.5%
YoY: ▼2,549| -39.6%

LN thuần
Q4/25
-367
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 19.0| 5.0%
YoY: ▼20.0| -5.7%

LN sau thuế
Q4/25
-19.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60| 3.2%
YoY: ▲ 20.7| 52.1%

Tỷ suất lãi EBIT
2025
9.0%
YoY: +/-▲ 2.9%

ROE
2025

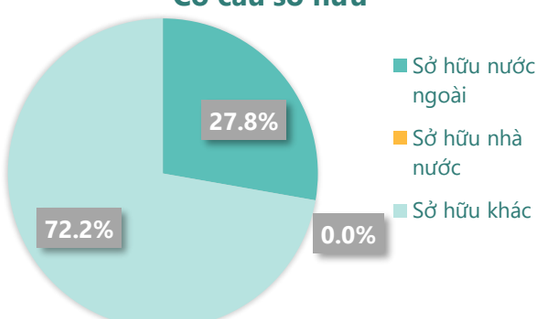
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	18,215 - 29,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	123,280
Số lượng CPLH (CP)	5,136,656,599
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,579,090
Sở hữu nước ngoài	27.8%
Beta	0.87
EPS	3,042
P/E	7.9

DT thuần
2025
-31,850
tỷ VNĐ
YoY: ▼8,742| -37.8%

LN thuần
2025
-1,205
tỷ VNĐ
YoY: ▼563| -87.6%

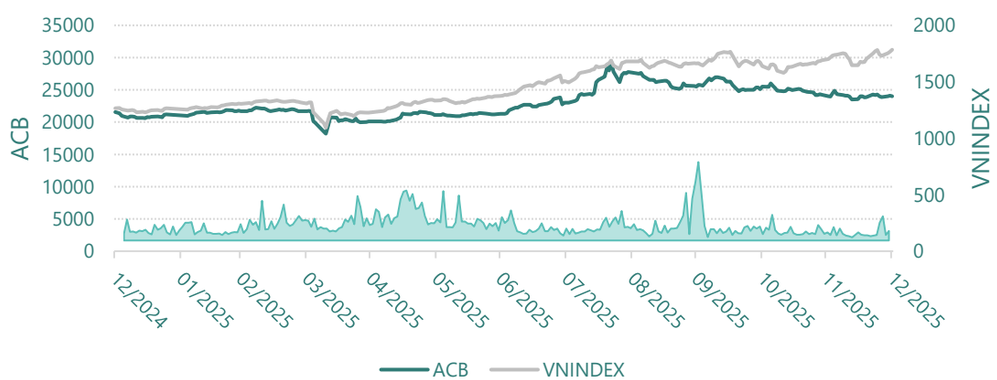
LN sau thuế
2025
-0.06
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 16.3| 99.7%

Cơ cấu sở hữu

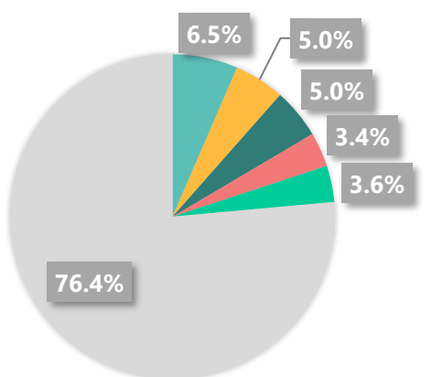


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

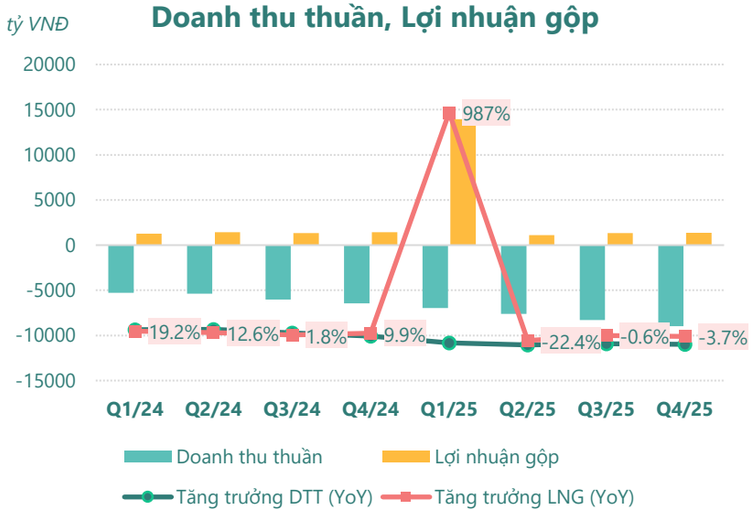


- Estes Investments Ltd
- Standard Chartered Bank
- Sather Gate Investments Ltd
- Trần Hùng Huy (Chủ tịch HĐQT)
- Dragon Financial Holdings Ltd
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

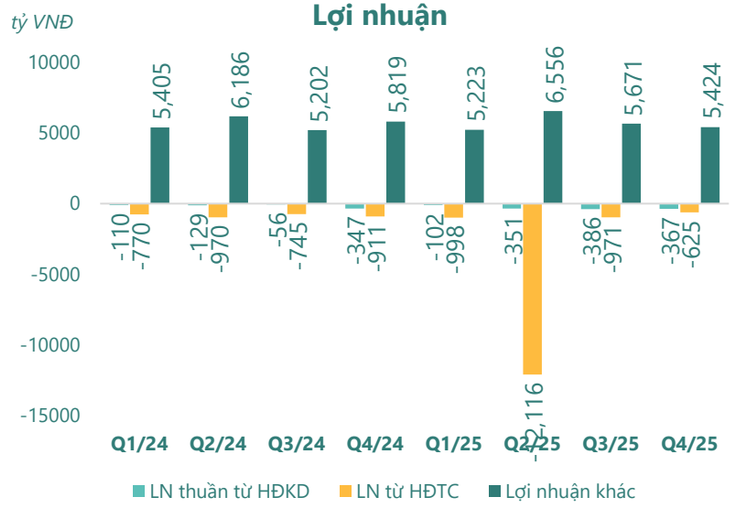
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



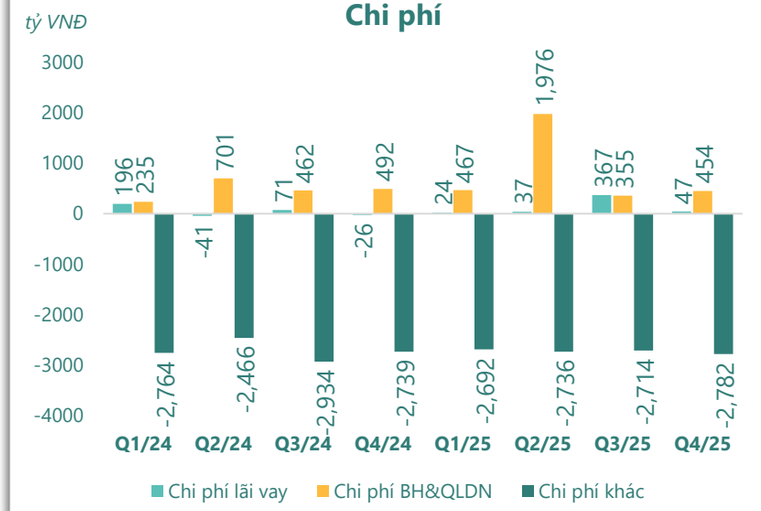
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



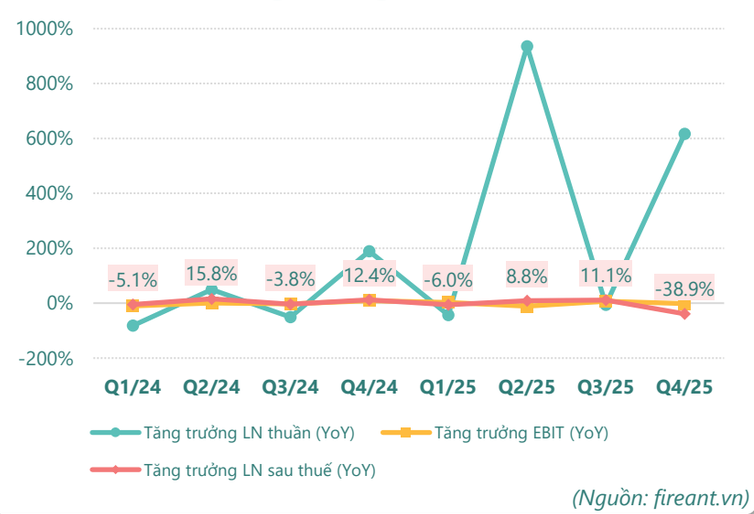
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



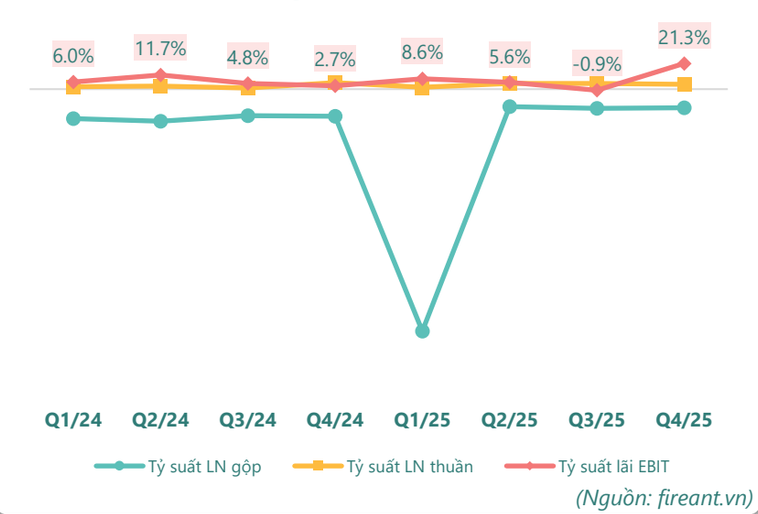
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



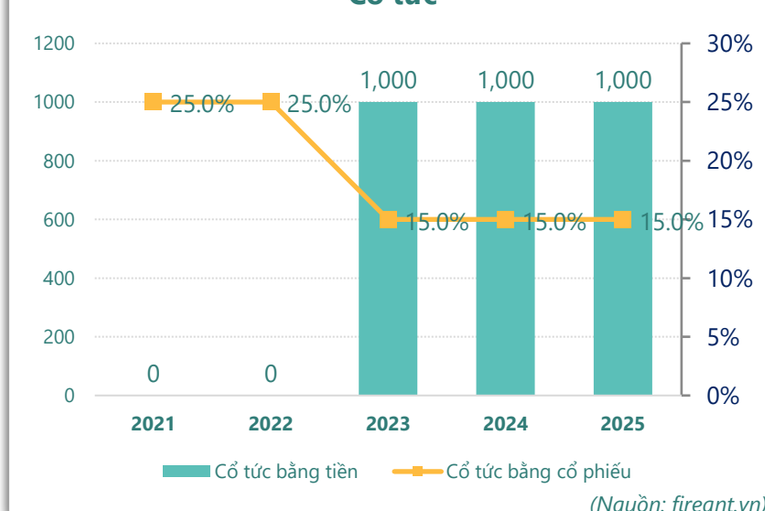
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

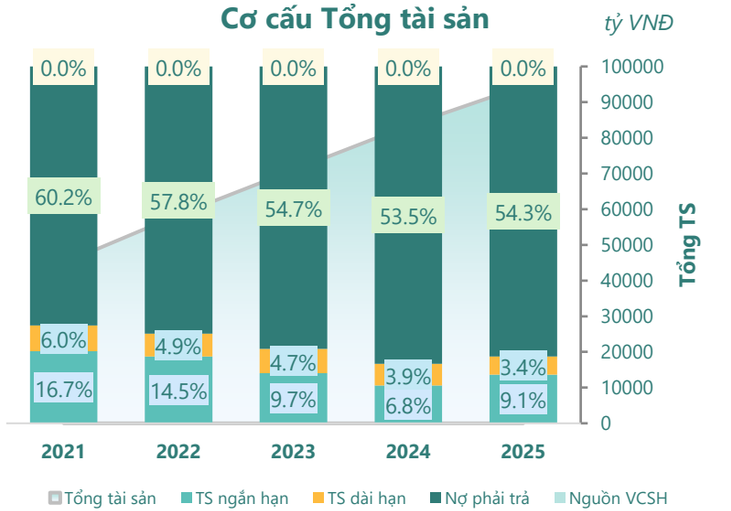
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

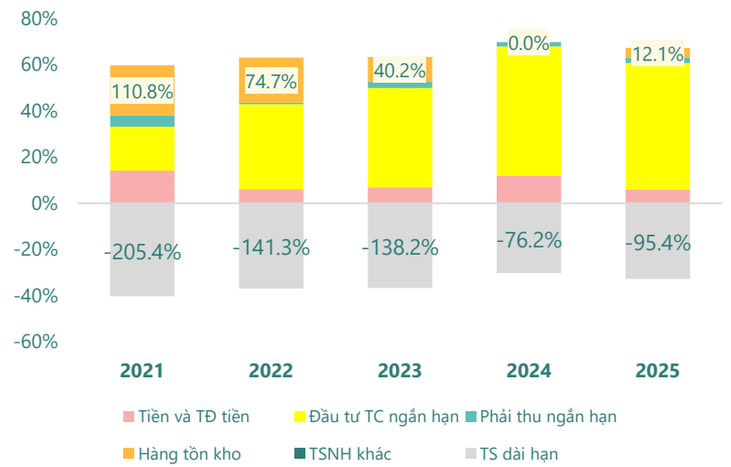
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



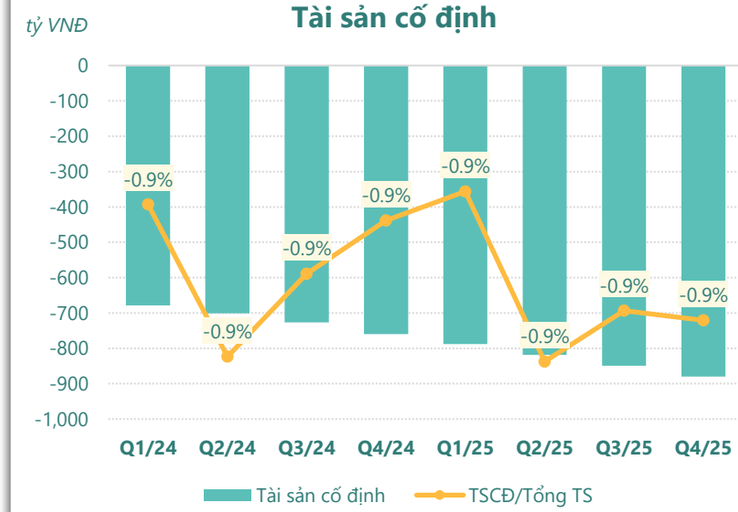
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



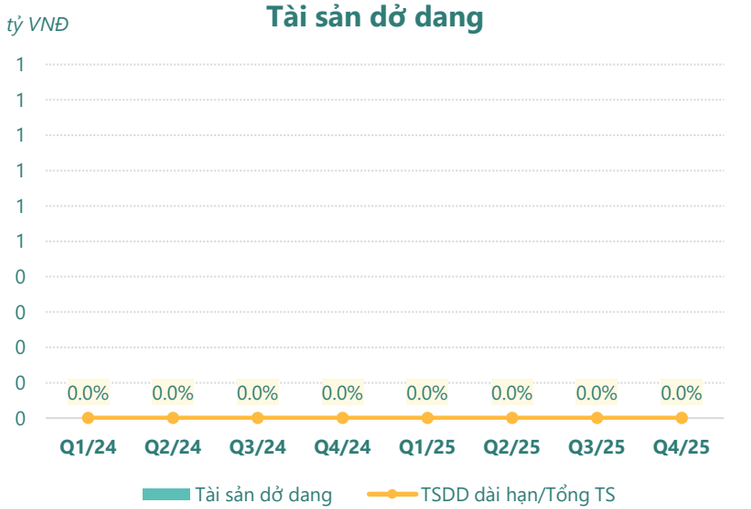
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



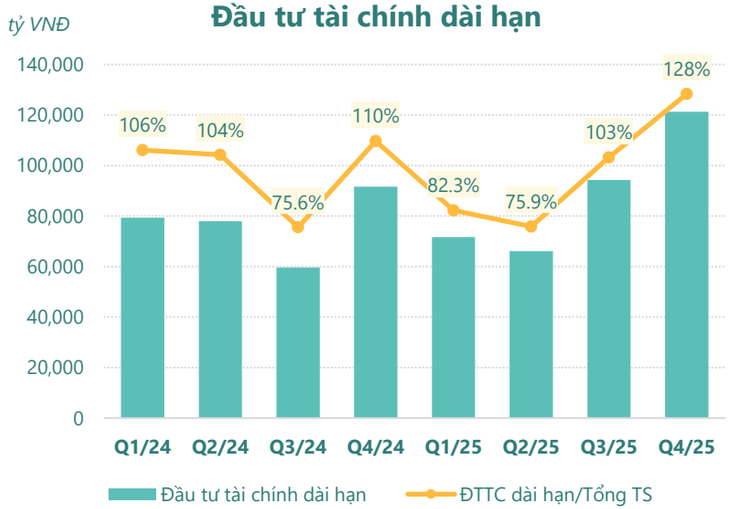
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



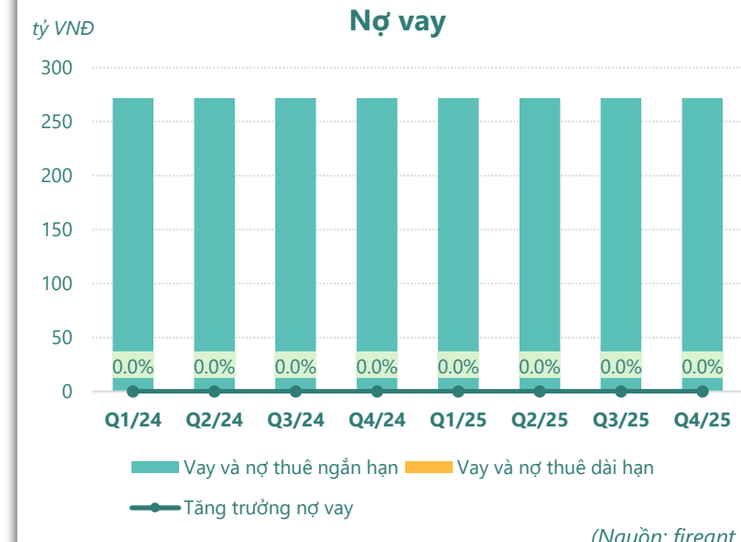
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

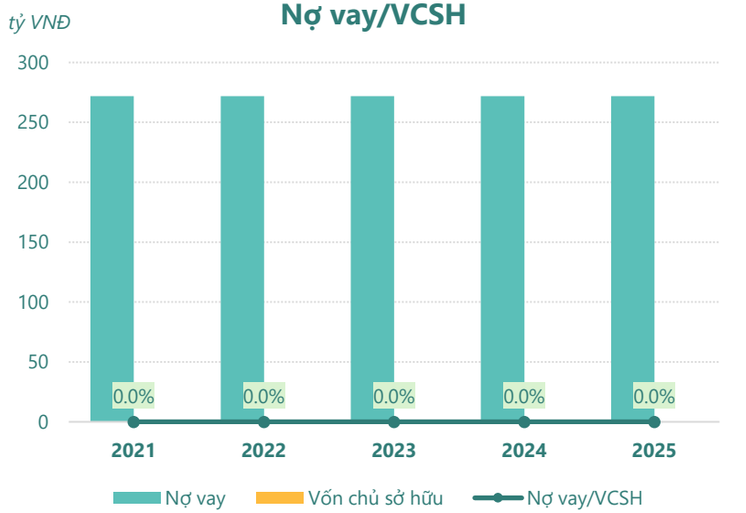
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



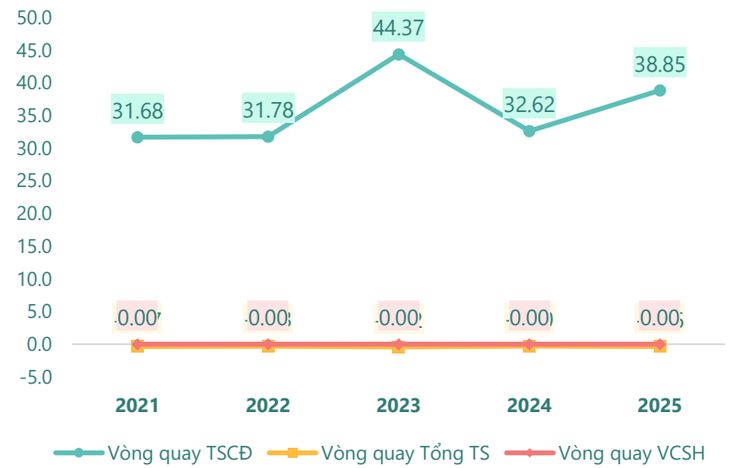
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



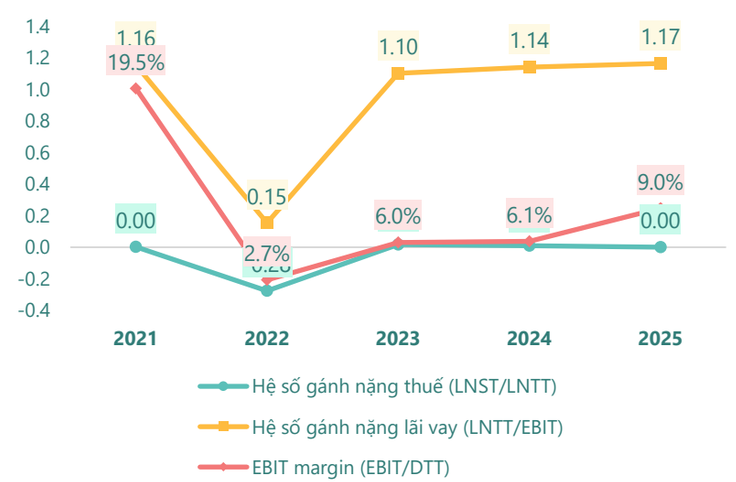
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



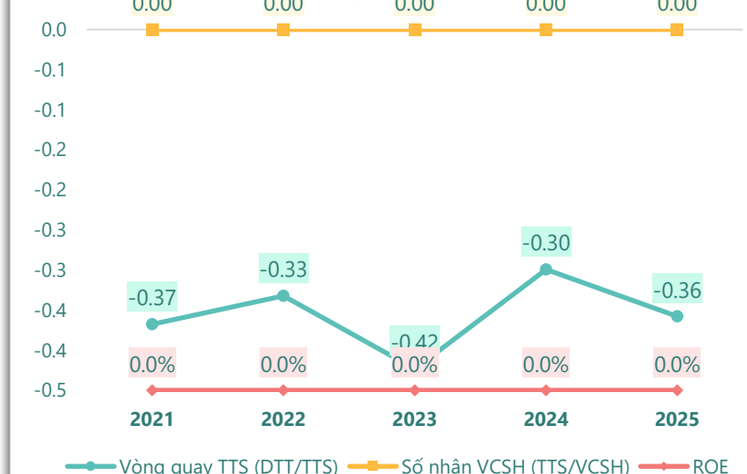
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



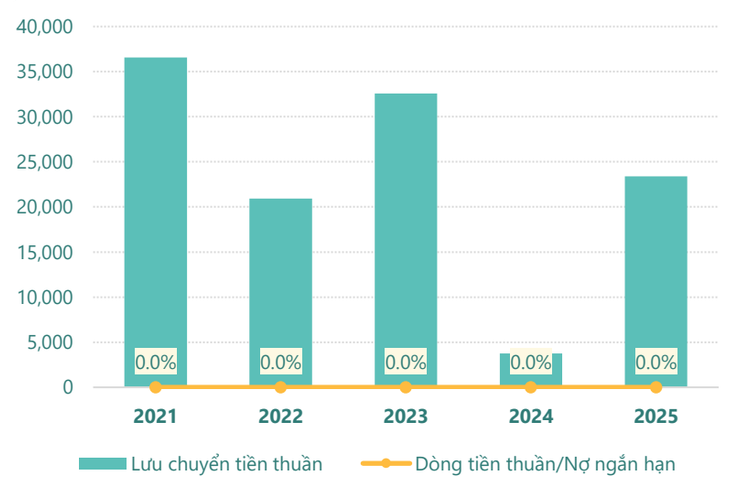
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**-8,987**	**-6,438**	**-39.6%**	**-31,850**	**-23,108**	**-37.8%**
Giá vốn hàng bán	894	869	2.9%	3,147	3,239	-2.8%
Lợi nhuận gộp	1,382	1,436	-3.8%	17,744	5,465	225%
Doanh thu HĐTC	-488	-567	14.0%	-12,978	-2,226	-483%
Chi phí TC	137	344	-60.1%	1,732	1,171	47.9%
Chi phí lãi vay	46.6	-26.1	278%	474	200	137%
LN trong công ty LKLD	**-47.8**	**213**	**-122%**	**397**	**450**	**-11.9%**
Chi phí bán hàng	43.4	72.6	-40.2%	1,023	624	64.1%
Chi phí QLDN	**410**	**419**	**-2.1%**	**2,229**	**1,266**	**76.0%**
LN thuần từ HĐKD	-367	-347	-5.7%	-1,205	-642	-87.6%
Lợi nhuận khác	**5,424**	**5,819**	**-6.8%**	**22,874**	**22,612**	**1.2%**
LN trước thuế	-1,957	-148	-1222%	-3,335	-1,606	-108%
Lợi nhuận sau thuế	**-19.1**	**-39.8**	**52.1%**	**-0.06**	**-16.4**	**99.7%**
LNST của CĐ cty mẹ	**0**	**0.00**		**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-16,529	37,520	-4,310	-5,491	-11,391	49,351
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-104	-338	-177	-46.5	133	-214
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	-4,467	0	0
Tiền đầu kỳ	119,024	102,581	139,825	135,273	125,090	113,757
Lưu chuyển tiền thuần	**-16,633**	**37,181**	**-4,487**	**-10,004**	**-11,258**	**49,137**
Ảnh hưởng tỷ giá	191	62.1	-65.4	-178	-75.7	320
Tiền cuối kỳ	102,581	139,825	135,273	125,090	113,757	163,214

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**94,520**	**83,462**	**13.2%**
Tài sản ngắn hạn	8,625	5,696	51.4%
Tiền và tương đương tiền	16,575	25,220	-34.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	149,991	117,781	27.3%
Phải thu ngắn hạn	6,708	4,029	66.5%
Hàng tồn kho	11,397	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**3,200**	**3,222**	**-0.7%**
Phải thu dài hạn	6,806	6,504	4.6%
Tài sản cố định	-879	-760	-15.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	121,314	91,574	32.5%
Tài sản dài hạn khác	**24,861**	**22,014**	**12.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	51,367	44,667	15.0%
Nợ ngắn hạn	**0**	**0**	
Vay và nợ thuê ngắn hạn	272	272	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)